111

**Câu 29:**

+ Xác định giá trị gần đúng nhất của đại lượng cần đo: d = 120 cm

+ Xác định được sai số tỉ đối trong phép đo

$δd= \frac{∆d}{\overbar{d}}.100\%$ = 0,83%.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 30:** Một người đi xe máy khởi hành từ thị trấn A lúc 6 giờ sáng để đến thị trấn B cách đó 120km, người này đến B lúc 9 giờ sáng. Giả sử chuyển động là thẳng đều. Chọn gốc thời gian lúc 6 giờ sáng, gốc toạ độ tại C là trung điểm của AB, chiều dương từ A đến B.1. Thiết lập hệ thức liên hệ giữa tọa độ và vận tốc của vật.
2. Xác định vị trí vật lúc 8h sáng cùng ngày
 | * Vận tốc của người này là:

  | 0,25 |
| a. Từ định nghĩa vận tốc, suy ra mối quan hệ giữa tọa độ và vận tốc là:  | 0,5 |
| b. Lúc 8h sáng nghĩa là vật đi được 1h, vị trí của vật là: [Vật cách C: 20km về phía A (cách A: 40km)] | 0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 31 | Gọi  lần lượt là vận tốc của bạn học sinh so với hệ quy chiếu đứng yên; của bạn C so với gió và của gió so với hệ quy chiếu đứng yên.V12 = 6 m/sTừ đồ thị, gió thổi trong khoảng thời gian từ giây 40 đến giây 90, ta có:Công thức vận tốc tổng hợp:  ⇔ ⇒  | 0,250,25 |

 =2,014 cm

Tính ?

+  0,006 cm.

+ 0,004 cm.

+ 0,004 cm.

+ 0,004 cm.

+0,006 cm.

Suy ra:

 0,0048 ≈ 0,005 cm.

= 0,005 + 0,005 = 0,010 cm.

Tính Δt ?

 =0,0444 s

+  0,0004

+  0,0006

+ 0,0006

+ 0,0004

+ 0,0004.

Suy ra:

0,000048 ≈ 0,0005

=0,0005 + 0,0005= 0,001 s

Tính  ?

= 45,36 cm/s

Tương tự, tính Δv ?



v =45,36 $\pm $ 1,24 cm/s

222

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 29:** Dùng thước kẹp có độ chia nhỏ nhất là 1mm để đo đường kính của viên bi thu được kết quả: d = $(5,2\pm 0,2)cm$.  a. Đường kính của viên bi gần đúng nhất bằng bao nhiêu? b. Sai số tỉ đối của phép đo trên. | a. Đường kính của viên bi gần đúng nhất bằng bao nhiêu là  | 0,5 |
| b. Sai số tỉ đối của phép đo trên:  | 0,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 30 | Viết được: x = 1,5 + 5t (m;s)Quãng đường vật đi được sau thời gian 2,5 s:s = 5.2,5 = 12,5 m  | 0,50,5 |

CÂU 31

***✍ Lời giải:***

+ Gọi $\vec{v}\_{13}$là vận tốc của xuồng với bờ

 $\vec{v}\_{23}$là vận tốc của nước với bờ bằng 4 km/h

 $\vec{v}\_{12}$ là vận tốc của xuồng so với dòng nước

Áp dụng công thức cộng vận tốc:$\vec{v}$13 = $\vec{v}$12 + $\vec{v}$23

+ Khi đi xuôi dòng: v13 = v12 + v23

 Mà SAB = v13.t1 = ( v12 + v23 ).4

+ Khi đi ngược dòng: v13 = v12 – v23

 Mà SAB = v13.t2 = ( v12 – v23 ).5

+ Quãng đường không đổi: ( v12 + v23 ).4 = ( v12 – v23 ).5 v12 = 36km/h

 SAB = 160km

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 32:** Để đo tốc độ tức thời của một vật, người ta dùng một thước có độ chia nhỏ nhất là 2mm, thực hiện đo quãng đường mà vật đi thì luôn thu được kết quả 40cm. Dùng một đồng hồ đo thời gian có độ chia nhỏ nhất là 0,002 (s) để đo thời gian vật chuyển động được quãng đường trên thì thu được bảng số liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần đo thứ** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| t(s) | 0,401 | 0,399 | 0,403 | 0,395 | 0,402 |

Hãy viết kết quả của phép đo tốc độ tức thời?  | Có: Kết quả đo quãng đường: Giá trị trung bình của thời gian: Giá trị trung bình của tốc độ tức thời là:   | 0,25 |
| Sai số tuyệt đối trung bình của 5 lần đo:  Sai số dụng cụ:Sai số tuyệt đối của phép đo: Kết quả đo thời gian: Sai số tuyệt đối của tốc độ tức thời là:  Kết quả đo tốc độ trung bình là:   | 0,25 |